

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **499/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: **12-9-2023**

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Lê Thị Kim Lệ

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Uyên Vy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận X -
Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị
Lý- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X - Thành phố H
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng
03 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
516/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số
599/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Vũ Cường S, sinh năm 1979

Địa chỉ: 46/27/B1 Trần Đình X, phường C, Quận M, TP. H.

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1985

Địa chỉ thường trú: 30/38 Đoàn Văn B, Phường N, Quận X, TP. H.

Địa chỉ tạm trú: 1D Đường số S, Phường A, Quận X, TP. H.

(Ông Sơn, bà H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày **17/01/2023** và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Vũ Cường S trình bày:

Ông Nguyễn Vũ Cường S và bà Trần Thị Ngọc H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận M, Thành phố H (*Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2013, ngày 24/7/2013 tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận M, TP.H*).

Sau khi đăng ký kết hôn, ông và bà H không có chung sống với nhau và bà H đã bỏ đi từ năm 2014. Ông nhận thấy mục đích hôn nhân giữa ông và bà H không đạt được; tình cảm không còn. Trước đây ông đã nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho ông và bà H. Tuy nhiên được Tòa án động viên. Nay không thể tiếp tục kéo dài, để ổn định cuộc sống sau này, ông yêu cầu Tòa án Nhân dân Quận X, TP. H giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc H.

Về con chung: Ông Nguyễn Vũ Cường S xác nhận không có.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông Nguyễn Vũ Cường S xác nhận không có.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc H vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Ngọc H không có văn bản gửi đến Tòa án nên trong hồ sơ vụ án không có ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố H phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vũ Cường S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Vũ Cường S khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Ngọc H. Căn cứ kết quả xác minh của Công an

Phường N, Quận X thì bà Trần Thị Ngọc H có hộ khẩu thường trú tại 30/38 Đoàn Văn B, Phường N, Quận X, TP. H thực tế cư trú tại địa chỉ tại 1D Đường số Q, Phường V, Quận X, TP. H nên đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn bà Trần Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn liên tục vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi. Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Nguyễn Vũ Cường S có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bà Trần Thị Ngọc H không đến Tòa án tham gia tố tụng theo triệu tập của Tòa án, bà H đã từ chối quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Vũ Cường S và bà Trần Thị Ngọc H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận M, Thành phố H (*Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2013, ngày 24/7/2013 tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận M, TP.H*) nên hôn nhân giữa ông S và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Ông S xác nhận sau khi kết hôn, ông và bà H không có chung sống với nhau và bà H đã bỏ đi từ năm 2014. Ông nhận thấy mục đích hôn nhân giữa ông và bà H không đạt được; tình cảm không còn. Trước đây ông đã nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho ông và bà H nhưng rút đơn khởi kiện do được Tòa án động viên. Nay không thể tiếp tục kéo dài, để ổn định cuộc sống sau này, ông yêu cầu Tòa án Nhân dân Quận X, TP. H giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà H đến Tòa để tham dự phiên hòa giải nhưng bà H vắng mặt không có lý do. Để có cơ sở xem xét yêu cầu của ông S, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi bà H và bà H đang sinh sống. Kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường V, Quận X cho thấy: “Địa phương

không nắm được thông tin gì về tình trạng hôn nhân của ông Nguyễn Vũ Cường S và bà Trần Thị Ngọc H”. Kết quả trả lời xác minh là phù hợp với lời khai của ông S. Trong khoảng thời gian chung sống, ông bà xảy ra mâu thuẫn, xung đột nhưng không trình báo với chính quyền địa phương, can thiệp, hòa giải.

Xét thấy, hôn nhân giữa ông S và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông S yêu cầu được ly hôn với bà H là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Ông Nguyễn Vũ Cường S xác nhận không có.

[3.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông Nguyễn Vũ Cường S xác nhận không có.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Vũ Cường S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vũ Cường S.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Vũ Cường S được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc H.

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Vũ Cường S xác nhận không có.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản vợ chồng: Ông Nguyễn Vũ Cường S xác nhận không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Vũ Cường S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số **AA/2022/0017600 ngày 21/02/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X. Ông S đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Vũ Cường S và bà Trần Thị Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. H;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận X;
- Chi cục Thi hành án Quận X;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Xuân Quỳnh